

Bản án số: 668/2022/DS-PT

Ngày: 22 - 9 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền
sở hữu thẻ tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLPT-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sở hữu thẻ tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 1393/2020/DS-ST, ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1095/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Phú H, sinh năm 1956; Địa chỉ: 201A1 BT, phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Hải B; Địa chỉ: A43 ấp TL, xã BÐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022 - có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen A Ngoc), sinh năm 1953; Địa chỉ: 6407 VE DRIVE H TEXAS 44083, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: 284 NKKN, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (Theo văn

bản ủy quyền ngày 24/5/2018 tại Houston, TX, USA, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/6/2018 - có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyen Henry H1 (Nguyễn Hoàng T), sinh năm 1957; Địa chỉ: 6407 VE drive H Texas 77083 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; Địa chỉ: A7.13 khu A, chung cư DM TL, phường TQN, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2018 tại Hoa Kỳ, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 20/12/2018 - có mặt).

2. Bà Hồ Lệ Th1 (Cheung J), sinh năm 1942; Địa chỉ: 48/47/36 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Trịnh Bá Th2, sinh năm 1968; Địa chỉ: 236/4 HH, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Trịnh Đức D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 14/9 đường TN, Phường 6, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng).

- Người kháng cáo:

1. Nguyên đơn - Ông Phạm Phú H.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyen Henry H1 (Nguyễn Hoàng T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Phạm Phú H trình bày:*

Ông có con gái tên Phạm Xuân Th3 đang theo học tại Mỹ, con gái ông H có quen biết và qua lại với gia đình bà Nguyễn Ngọc A thường xuyên nên con gái ông đã kết hôn với con trai của bà A. Hai bên đã trở thành thông gia với nhau. Ông H là chủ sở hữu thẻ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, số tài khoản thẻ tiết kiệm: 220004355948, số seri: CA 02371990, số tiền: 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Vì con gái ông đang theo học tại Mỹ nên ông có gửi tiền cho con gái sinh hoạt và học tập. Do bà A là thông gia với gia đình, mỗi khi về Việt Nam đều sống và sinh hoạt tại gia đình ông nhiều lần nên ông tin tưởng. Ngày 18/5/2017, ông có làm giấy đề nghị chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm nêu trên cho bà Nguyễn Ngọc A cùng toàn bộ số tiền 1.800.000.000 đồng với mục đích nhờ bà A sau khi nhận chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm số tiền trên thì khi về Mỹ trả lại cho con gái ông là Phạm Xuân Th3 có tiền chi phí học tập và sinh hoạt. Trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng thẻ thì giữa ông và bà A đã trao đổi cụ thể với nhau về mục đích

giao nhận tiền là chuyển cho con gái ông là Phạm Xuân Th3, do là thông gia nên giữa ông và bà A không làm giấy tờ gì.

Tuy nhiên, sau khi nhận thẻ tiết kiệm nêu trên xong thì bà Nguyễn Ngọc A sang Mỹ và không thực hiện việc chuyển số tiền 1.800.000.000 đồng cho con gái ông là Phạm Xuân Th3. Bà A cố tình chiếm giữ số tiền trên cho tới bây giờ. Việc bà A chiếm giữ số tiền nêu trên gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc học tập và sinh hoạt của con gái ông tại Mỹ, đồng thời cũng xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ông Phạm Phú H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen A Ngoc) phải trả lại cho ông số tiền: 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh mà ông đã chuyển cho bà A vào ngày 18/5/2017 theo giấy đề nghị chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm do ông là chủ sở hữu cho bà Nguyễn Ngọc A. Yêu cầu bà A trả một lần số tiền trên cho ông ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn – bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen A Ngoc) có bà Lê Thị Th trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Số tiền 1.800.000.000 đồng không phải là tiền ông H gửi cho con gái đang du học tại Mỹ mà số tiền vợ chồng bà A nhờ ông H bán căn nhà 64/15 (số cũ 184/15) đường số 10 CT, Phường 9 (Phường 11 cũ), quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông T và bà Hồ Lệ Th1 (Cheung Julie) theo Giấy chứng nhận số 1321/2008/UB-GCN do Ủy ban nhân dân quận GV cấp ngày 29/02/2008.

Ngày 25/7/2016, ông T ủy quyền cho ông Phạm Phú H theo Hợp đồng ủy quyền số 00024899, quyền số 07TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng ĐS trong đó có nội dung, ông H thay mặt và đại diện ông T quản lý, sử dụng, cho thuê, bán, chuyển nhượng hoặc tặng cho đối với toàn bộ phần thuộc sở hữu, quyền sử dụng của ông T trong căn nhà trên.

Ngày 12/12/2016, ông T bà Th1 bán căn nhà trên cho ông Trịnh Đức D (theo hợp đồng đặt cọc ngày 12/12/2016). Theo hợp đồng này, tổng giá trị chuyển nhượng căn nhà là 6.500.000.000 đồng. Ông D đã giao số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông T, bà Th1 ngay khi ký hợp đồng đặt cọc.

Ngày 20/02/2017, Ông D thanh toán đủ số tiền 4.500.000.000 đồng (do ông Phạm Phú H ký nhận), 500.000.000 đồng tiền mặt khi ký hợp đồng và 4.000.000.000 đồng sẽ giao bằng sổ tiết kiệm.

Ông D đã chuyển khoản tiền mua nhà vào tài khoản của ông H. Sau khi nhận được tiền bán nhà thì ông H không giao cho vợ chồng bà A. Do đó, vợ chồng bà A phải về Việt Nam gặp ông H để đòi lại số tiền bán nhà trên. Sau đó, ông H dẫn bà A ra ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để trả trước 2.000.000.000 đồng. Bà A lấy ra 200.000.000 đồng xài riêng, số tiền còn lại

1.800.000.000 đồng bà A lập sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh do bà A là chủ sở hữu. Do đó, 1.800.000.000 đồng là tiền bán nhà của vợ chồng bà A, không phải tiền của ông H như ông H trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Hoàng T (Nguyễn Henry H1) có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông là người được hưởng một số di sản thừa kế của mẹ ông là bà Tạ Thị H2 trong đó có căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất: số 184/15 (số cũ 64/15) đường số 10, Phường 9, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, bà Hồ Thị Th1 khởi kiện tranh chấp thừa kế với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông T là người có quốc tịch nước ngoài, lại không sinh sống thường xuyên tại Việt Nam nên đã ủy quyền của ông Phạm Phú H làm đại diện và ông Trịnh Bá Th2 là luật sư được ông H mời để đại diện cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa. Sau đó, hai bên hòa giải thành nên ngày 25/7/2016, tại Văn phòng công chứng ĐS, ông T và ông Phạm Phú H đã lập hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016.

Theo nội dung hợp đồng, ông H được quyền thay mặt ông T thực hiện một số quyền và nghĩa vụ, trong đó có việc khai nhận di sản thừa kế, cử đại diện đứng tên của căn nhà nêu trên và được quyền đại diện cho ông T quản lý, sử dụng, cho thuê, bán, chuyển nhượng, tặng cho... đối với căn nhà nêu trên, nhưng không được quyền sở hữu, sử dụng khoản tiền mua bán, chuyển nhượng căn nhà trên của ông T.

Ngày 12/12/2016, ông T và bà Hồ Lệ Th1 ký hợp đồng đặt cọc về việc mua bán, chuyển nhượng nhà gắn liền với quyền sử dụng đất số 184/15 (số cũ 64/15) đường số 10, Phường 9, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trịnh Đức D với giá 6.500.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc nêu trên, Ông D đã chuyển trả cho ông T và bà Th1 số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2017, hai bên ra công chứng, Ông D thanh toán số tiền 500.000.000 đồng tiền mặt do bà Th1 nhận. Số tiền 4.000.000.000 đồng còn lại Ông D thanh toán thông qua việc thế chấp và vay ngân hàng, sau đó sẽ trả cho ông T bằng 02 sổ tiết kiệm đứng tên ông Phạm Phú H. Chính ông H là người ký nhận đã nhận đủ số tiền. Do ông H không tự nguyện thanh toán lại cho ông T nên vợ chồng ông T phải về Việt Nam để yêu cầu ông H chuyển trả số tiền bán nhà nêu trên.

Ông H dẫn bà A ra Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh 5 để trả trước 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T, bà A không rành các thủ tục ở Việt Nam nên các thủ tục ngân hàng đều do ông H lo. Bà A lấy 200.000.000 đồng tiền mặt làm từ thiện nên số tiền còn lại trong tài khoản là

1.800.000.000 đồng, ông H chuyển cho bà A đứng tên chủ tài khoản. Do đó, số tiền mà ông H khởi kiện đòi bà A là tiền do bán nhà mà vợ chồng bà A, ông T được hưởng chứ không phải tiền của ông H.

Ngoài ra, ông H còn giữ của vợ chồng bà A, ông T 01 sổ tiết kiệm trị giá 2.000.000.000 đồng từ việc mua bán nhà nêu trên, đến nay ông H chưa trả. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H chuyển trả toàn bộ số tiền trên cho ông nhưng ông H vẫn không chuyển trả. Do đó, yêu cầu của ông H là hoàn toàn không có căn cứ, ông T có yêu cầu độc lập như sau:

- Yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 giữa ông T và ông Phạm Phú H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà A phải trả cho ông số tiền 1.800.000.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Phú H phải trả lại cho ông T 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ tháng 3 năm 2017 đến nay theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Số tiền lãi tạm tính là 360.000.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi yêu cầu tạm tính đến tháng 02/2019 là 2.360.000.000 đồng.

** Người làm chứng - ông Trịnh Bá Th2 trình bày:* ông là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trong vụ án tranh chấp chia thừa kế. Tài sản ông T và các đồng thừa kế được hưởng là 02 căn nhà và tiền trong sổ tiết kiệm tại ngân hàng do bà Tạ Thị H2 để lại. Ông cho biết trong 1 lần đi ăn cùng vợ chồng ông T và A ông có hỏi đã nhận đủ tiền mà ông T đã được hưởng theo thỏa thuận chưa thì ông T trả lời đã nhận đầy đủ tiền từ việc chia của số tiền tiết kiệm trong ngân hàng và tiền bán hai căn nhà từ ông Phạm Phú H. Ông chỉ biết sự việc như trên còn sau đó ông T bà A có thỏa thuận gì thêm thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 1393/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35 ; Điều 37; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Phú H về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen A Ngoc) hoàn trả số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T (Nguyên Henry H1) về việc hủy Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 tại Văn phòng công chứng Đàm Sen giữa ông T và ông Phạm Phú H. Buộc ông H phải thanh toán cho ông T số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T (Nguyên Henry H1) về việc yêu cầu ông Phạm Phú H trả số tiền lãi tương ứng là 614.000.000đ (Sáu trăm mười bốn triệu đồng).

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 85/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí; lãi suất; quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn ông Phạm Phú H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng T.

- Ngày 15 tháng 9 năm 2020, bà Nguyễn Thị M người đại diện hợp pháp của ông Nguyen Henry H1 (Nguyễn Hoàng T) có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc buộc ông H trả lãi và không hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với việc phong tỏa tài khoản Ngân hàng do vợ ông T là bà Ngọc A đại diện đứng tên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Yêu cầu cấp phúc thẩm sớm xem xét giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo ông Phạm Phú H do ông Đỗ Hải B làm đại diện trình bày:* Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên, đồng thời trình bày bổ sung theo như Tờ tường trình ngày 14/9/2022 của ông H là ngày 25/7/2016 ông H nhận ủy quyền từ ông T để thực hiện các công việc là rút tiền từ 02 thẻ tín dụng số 1392896, 1320299 của cụ H2 gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh; bán căn nhà tại số 184/15 và căn nhà số 10/27 đều là di sản của cụ H2 mẹ của ông T, bà Th1 để lại hiện bà Th1 và ông T đang tranh chấp. Do chỗ thông gia tin tưởng nhau nên các lần nhận tiền từ di sản thừa kế xong thì ông H đều đã giao đủ tiền cho ông T nhưng không làm giấy tờ. Tuy nhiên, có ông luật sư Th2 và bà Th1 chị ruột ông T biết, cụ thể: Ngày 06/01/2017 thì ông H rút tiền từ 02 thẻ tiết kiệm của cụ H2, đến ngày 20/02/2017 bán xong căn nhà tại số 184/15 ông H nhận tiền xong thì đều giao đủ cho ông T nên ông T tin tưởng vì thế tiếp tục ủy quyền cho ông H đến ngày

22/5/2017 bán xong căn nhà số 10/27 nhận phần tiền còn lại 10.900.000.000 đồng thì ông H cũng đã thực hiện việc giao nhận tiền đủ cho ông T, bà Th1 và ông M1 do bà Th1 làm giám hộ cho ông M1. Đối với số tiền ông H có để gửi tiết kiệm ngày 22/02/2017 là tiền ông H bán căn nhà của vợ chồng ông H tại số 548 HG, Phường 12, Quận 6 theo hợp đồng số 27991 ngày 16/12/2015. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, không chấp nhận kháng cáo của ông T. Sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Người đại diện bà A là bà Lê Thị Th trình bày:* Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; do số tiền 1.800.000.000 đồng ông H chuyển bằng thẻ tiết kiệm cho bà A ngày 18/5/2017 là tiền mà chồng bà A là ông T ủy quyền cho ông H bán căn nhà số 184/15 cho ông Trịnh Đức D ngày 20/02/2017; sau khi nhận đủ số tiền còn lại do Ông D trả bằng 02 sổ tiết kiệm mỗi sổ 2.000.000.000 đồng nhưng sau đó ông H không trả nên vợ chồng bà A phải về Việt Nam đòi ông H. Diễn biến quá trình chuyển tiền như bà A và người đại diện trình bày tại cấp sơ thẩm, chính Ông D là người mua nhà đã thừa nhận giao đủ tiền 4.000.000.000 đồng vào ngày 20/02/2017 cho ông H nhận và ông H cũng thừa nhận đã nhận đủ tiền nhưng sau đó ông H không chuyển trả ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên án sơ thẩm. Riêng các lần ông H trình bày rút tiền từ 02 thẻ tiết kiệm và bán căn nhà số 10/27 sau đó cũng giao tiền cho ông T nhưng không làm biên nhận thì bà Thẩm không biết do chỉ nhận ủy quyền giải quyết tranh chấp tiền bán nhà tại số 184/15.

- *Người kháng cáo ông Nguyễn Hoàng T, do bà Nguyễn Thị M đại diện trình bày:* Không đồng ý đối với kháng cáo của ông H, do ông H nhận ủy quyền từ ông T để bán căn nhà số 184/15, ông H nhận đủ tiền của người mua nhà là Ông D vào ngày 20/02/2017 với số tiền 4.000.000.000 đồng bằng 02 thẻ tiết kiệm như ông T đã trình bày tại cấp sơ thẩm; nhưng sau khi nhận tiền thì ông H không chuyển trả cho ông T nên vợ chồng ông T, bà A phải về Việt Nam để đòi tiền ông H và ngày 18/5/2017 ông H rút tiền từ thẻ tiết kiệm 2.000.000.000 đồng để giao cho bà A, bà A nhận tiền mặt 200.000.000 đồng để đi làm từ thiện còn lại 1.800.000.000 đồng ông H chuyển sổ tiết kiệm trả bà A chứ không phải là tiền ông H nhờ bà A chuyển cho con gái ở Mỹ. Như vậy, ông H mới trả ông T do bà A nhận 2.000.000.000 đồng ngày 18/5/2017 còn lại 2.000.000.000 đồng chưa trả nên ông T yêu cầu ông H trả; quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ; kháng cáo của ông H là không có căn cứ. Nên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, y án sơ thẩm phần này. Riêng số tiền lãi của 2.000.000.000 đồng bà M đại diện ông T tại cấp phúc thẩm yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa sơ thẩm thụ lý 08/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03/9/2020 với số lãi là 514.600.000 đồng.

- Đối với khiếu nại về việc Tòa sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thì bà M yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Đối với kháng cáo của ông H và kháng cáo của bà M đại diện ông T, xét: Khi xét xử Tòa sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm ông H có cung cấp xác nhận của Ông D người mua nhà số 184/15 và Tường trình bổ sung nhưng cũng không có căn cứ chấp nhận; đối với kháng cáo của ông T cũng vậy do ông T ủy quyền cho ông H chưa hết thời hạn ủy quyền và ông T không có chứng cứ đã đòi tiền ông H nhiều lần nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu tính lãi của ông T đối với ông H. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà M (đại diện ủy quyền của ông T), giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

Đơn kháng cáo của ông H, bà M (đại diện ông T) làm trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:* Đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M (người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng T, xét:

[1] *Tại Bản tường trình ngày 13/11/2018 ông Nguyễn Hoàng T khai:* Số tiền 1.800.000.000 đồng là tiền từ sổ tiết kiệm 2.000.000.000 đồng Ông D trả tôi nhưng ông H đứng tên. Ông H rút 200.000.000 đồng đưa cho vợ tôi để đi chùa, còn 1.800.000.000 đồng là chuyển sang tên tài khoản cho vợ tôi: Nguyễn Ngọc A (BL48).

- *Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 15/9/2019 ông Nguyễn Hoàng T khai:* Tôi (ông T) là người được hưởng một số di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Tạ Thị H2, trong đó có căn nhà 184/15 (số cũ 64/15) đường số 10, Phường 9, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2016, bà Hồ Lệ Th1 khởi kiện tranh chấp thừa kế với tôi, tôi ủy quyền cho ông Phạm Phú H làm đại diện tham gia tố tụng tại Tòa theo Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 và ông Trịnh Bá Th2 là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi tại Tòa.

Ngày 12/12/2016, tôi và bà Hồ Lệ Th1 (Cheung J) ký hợp đồng đặt cọc về việc mua bán, chuyển nhượng nhà gắn liền với quyền sử dụng đất số 184/5 (số cũ 64/15) nêu trên cho ông Trịnh Đức D với giá 6.500.000.000 (sáu tỷ năm trăm triệu) đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng đặt cọc nêu trên, Ông D đã chuyển trả cho tôi và bà Th1 số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2017, hai bên ra công chứng, Ông D đã thanh toán số tiền 500.000.000 đồng tiền mặt, do bà Th1 nhận. Số tiền 4.000.000.000 đồng còn lại Ông D thanh toán thông qua việc thế chấp và vay Ngân hàng, sau đó sẽ trả cho tôi bằng 02 sổ tiết kiệm đứng tên ông Phạm Phú H. Chính ông H là người ký nhận. Do ông H không tự nguyện trả tiền cho nên vợ chồng tôi phải về Việt Nam để yêu cầu ông H trả tiền bán nhà nêu trên.

Ông H dẫn bà A ra Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 5, Thành phố Hồ Chí Minh để trả trước 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng tôi không rành các thủ tục ở Việt Nam nên các thủ tục tại Ngân hàng là do ông H lo. Vợ tôi đã lấy 200.000.000 đồng tiền mặt để đi làm từ thiện nên số tiền còn lại trong tài khoản là 1.800.000.000 đồng. (BL187).

[2] Tại “Đơn khiếu nại khẩn cấp không ghi ngày, tháng, năm 2018 (BL68-69) thì bị đơn bà Nguyễn Ngọc A khai: Số tiền gửi tiết kiệm 1.800.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương, Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh là tiền bán nhà của chồng tôi nhà số 10 đường Cây Trâm, Phường 9 (phường 11 cũ) Thành phố Hồ Chí Minh, vì lý do chồng tôi ở nước ngoài không có điều kiện đi về Việt Nam nên vợ chồng tôi ủy quyền toàn bộ cho ông H bán giùm căn nhà nêu trên với số tiền 6.500.000.000 đồng. Khi bán xong thì toàn bộ số tiền bán nhà còn lại là 4.000.000.000 đồng người mua nhà chuyển tiền vào tài khoản của ông H. Sau khi nhận được tiền bán nhà thì ông H không giao tiền bán nhà cho vợ chồng tôi, vì vậy vợ chồng tôi phải về Việt Nam gặp ông H để đòi lại tiền bán nhà trên. Ông H dẫn tôi ra Ngân hàng và rút tiền từ tài khoản ông H mà bên mua nhà chuyển vào cho ông H và ông H rút ra số tiền 2.000.000.000 đồng để trả cho tôi. Tôi có lấy 200.000.000 đồng để đi làm từ thiện còn lại 1.800.000.000 đồng ông H bảo tôi gửi tiết kiệm số tiền trên.

[3] Tuy nhiên, các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện không có 02 sổ tiết kiệm mang tên ông Phạm Phú H với số tiền mỗi sổ là 2.000.000.000 đồng như ông T, bà A trình bày mà chỉ có một sổ tiết kiệm mang tên ông Phạm Phú H với số tiền gửi ngày 22/02/2017 là 4.000.000.000 đồng và ông H rút ra toàn bộ vốn lãi vào ngày 24/4/2017 (BL180). Cùng ngày 24/4/2017, ông H tiếp tục gửi tiết kiệm số

tiền 4.000.000.000đồng đến ngày 18/5/2017 số dư còn lại là 1.800.000.000 đồng (BL148, 202) và ngày 18/5/2017 không có chứng cứ nào thể hiện ông H rút số tiền 2.000.000.000 đồng để trả cho bà A để bà A lấy 200.000.000 đồng tiền mặt đi làm từ thiện còn lại 1.800.000.000đồng ông H kêu bà A gửi tiết kiệm như bà A trình bày.

[4] *Mặt khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Hồ Lệ Th1 (Cheung Julie), khai:* Việc phân chia di sản thừa kế do mẹ bà (cụ H2) để lại giữa bà (bà Th1) với ông T, ông M1 đã thực hiện xong (bà là người giám hộ của ông M1) bà đã nhận đủ phần thừa kế của mình... Đối với số tiền 4.000.000.000 đồng ông H cho là đã giao đủ cho ông T bằng tiền mặt bà có nghe ông H nói, bà không tận mắt chứng kiến (BL 218, 219).

[5] *Tại bản tường trình ngày 12/11/2018 (BL189) luật sư Trịnh Bá Th2, khai:* Sau lần nhận tiền tiết kiệm tại ngân hàng và lần lượt tiền bán từng căn nhà số 184/15 đường CT, phường 9, quận GV rồi đến nhà số 10/27 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1; tôi (luật sư Th2) trực tiếp có hỏi ông T (cùng đi ăn với vợ chồng ông T, bà A) đã nhận đủ tiền mà mình đã được hưởng nhận theo thỏa thuận chưa thì ông T trả lời với tôi là đã nhận đầy đủ từ việc chia của số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng và tiền bán hai căn nhà trên từ ông Phạm Phú H.

[6] *Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông H cung cấp chứng cứ mới tại Tòa là Tờ tường trình ngày 08/8/2022 của ông Trịnh Đức D (người mua nhà số 64/15, đường số 10, phường 9, quận GV - là tài sản tranh chấp giữa ông T, bà Th1) trình bày:* “Ngày 20/02/2017 tôi (Trịnh Đức D) được Ngân hàng Công thương Việt Nam (Phòng giao dịch GV - Chi nhánh số 9) cho vay, ngân hàng đã giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng tiền mặt cho tôi, ngoài ra tôi chuẩn bị riêng 500.000.000 đồng tiền mặt, nên các bên đồng ý ký bông chứng sang tên trước thời hạn thỏa thuận (tức ngày 20/02/2017), sau khi ký công chứng tôi đã thanh toán số tiền còn lại là 4.500.000.000 (bốn tỷ năm trăm triệu) đồng cho bên bán do ông Phạm Phú H làm đại diện ký và nhận khoản tiền này; tại Tòa phía người đại diện ông H chứng minh số tiền gửi tiết kiệm 4.000.000.000 đồng ngày 22/02/2017 là tiền ông H có được từ việc bán căn nhà của ông H theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 27991 địa chỉ số 548 đường HG, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/12/2015.

[7] Trên thực tế, theo ông H trình bày: Ngày 06/01/2017 ông H đã hoàn tất việc tắt toán 02 thẻ tiết kiệm số 1320299 và thẻ tiết kiệm số 1392896 của cụ Tạ Thị H2 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh – Quỹ tiết kiệm Trần Hưng Đạo sau khi nhận tiền thì ông H đã giao lại cho ông T, bà Th1 nhưng không có làm biên nhận. Ngày 20/02/2017, ông H nhận đủ và ông H đã giao đủ cho ông T không làm biên nhận có ông Thân, bà Th1 biết. Sau đó, ngày 24/02/2017 ông H thay mặt ông T cùng bà Hồ Lệ Th1 ký hợp đồng đặt cọc bán nhà số 10/27 TND, phường TĐ, Quận 1, Thành phố Hồ

Chí Minh cho vợ chồng ông Tống Thiện Ch và bà Đỗ Thị Thanh V với giá 12.900.000.000 đồng, nhận cọc 2.000.000.000 đồng, bà Th1 nhận 1.000.000.000 đồng, ông H nhận 1.000.000.000 đồng và ông H đã giao cho ông T xong. Ngày 22/5/2017, hai bên làm thủ tục công chứng sang tên, bên mua nhà thanh toán 10.900.000.000 đồng còn lại cho ông H tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh 3 tháng 2. Ngay khi nhận được tiền ông H cũng đã giao cho bà Th1 và ông T xong. Phần của ông Phạm Hoàng Minh là 3.494.250.000 đồng ông H cũng gửi vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn cho ông M1 (con cụ H2) đúng như thỏa thuận ngày 22/5/2017 đều không làm biên nhận. Lời trình bày của ông H tại cấp phúc thẩm phía bà Thẩm đại diện cho bà A và bà M đại diện ông T không phản đối mà cho rằng chỉ nhận ủy quyền giải quyết tranh chấp tiền mua bán nhà tại số 184/15 nên các vấn đề khác bà Th, bà M không biết.

[8] Như vậy, lời khai của ông T, bà A là không đúng thực tế trong khi bà Th1 (chị ông T) và ông Luật sư Th2 thừa nhận có biết việc ông H giao đủ tiền bán nhà số 184/15 đường số 10, Phường 9, quận GV cho ông T xong; Ông D người mua nhà 184/15 đường số 10, phường 9, quận GV không thừa nhận có việc mở 02 sổ tiết kiệm mỗi sổ trị giá 2.000.000.000 đồng để giao trả cho ông H. Trong khi, ông H nhận ủy quyền từ ông T, ông H nhận tiền từ 02 sổ tiết kiệm của cụ H2 (mẹ ông T để lại) trước, rồi đến nhận tiền bán nhà số 184/15 đường số 10, Phường 9, quận GV, sau đó mới đến nhận tiền bán nhà số 10/27 TND, phường TĐ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên nếu ông H không giao đủ tiền cho ông T thì ông T không thể tiếp tục ủy quyền cho ông H bán nhà 10/27 sau cùng. Nên có căn cứ xác định số tiền 4.000.000.000 đồng nhận từ Ông D người mua nhà số 184/15 đường số 10, Phường 9, quận GV ông H đã giao đủ cho ông T như ông H trình bày.

[9] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Phú H, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M (đại diện ông T), sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phú H về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A (Nguyễn A Ngọc) hoàn trả số tiền 1.800.000.000 đồng trong tài khoản thẻ tiết kiệm số 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T, về việc hủy Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 tại Văn phòng công chứng ĐS giữa ông T và ông Phạm Phú H; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T về yêu cầu ông Phạm Phú H trả cho ông T 2.000.000.000 đồng, theo đó, Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận kháng cáo của ông T về yêu cầu ông H trả tiền lãi từ 08/02/2018 đến ngày 03/9/2020 với số tiền 514.600.000 đồng và không chấp nhận xem xét khiếu nại của ông T về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Hoàng T, ông Phạm Phú H là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho bà A, ông T và ông H. Hoàn trả ông H là 33.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số 0048809 ngày 06/02/2018; hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0045780 ngày 05/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Ông Nguyễn Hoàng T do bà Nguyễn Thị M đại diện 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0092635 ngày 23/9/2020 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Phú H; không chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T (Nguyên Henry Hoang) do bà Nguyễn Thị M làm đại diện kháng cáo. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1393/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Phú H. Buộc bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen A Ngoc) hoàn trả ông Phạm Phú H số tiền 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng) trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T (Nguyên Henry H1): Hủy Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 tại Văn phòng công chứng ĐS giữa ông Nguyễn Hoàng T và ông Phạm Phú H.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T (Nguyên Henry H1) về yêu cầu ông Phạm Phú H phải thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và trả số tiền lãi tương ứng là 514.600.000đ (năm trăm, mười bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 85/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Ông Phạm Phú H được nhận lại số tiền bảo đảm là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tại Tài khoản số 119002655613 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Hoàng T, ông Phạm Phú H. Hoàn trả ông Phạm Phú H là 33.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số 0048809 ngày 06/02/2018; hoàn trả ông Nguyễn Hoàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0045780 ngày 05/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí dân phúc thẩm: Ông Phạm Phú H, ông Nguyễn Hoàng T không phải nộp. Hoàn trả ông Ông Nguyễn Hoàng T do bà Nguyễn Thị M đại diện 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0092635 ngày 23/9/2020 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu VT (5), HS (2), 16b, (ÁN09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn TỬ